TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc.

Bản án: 62 /2018/DS-ST.
Ngày: 20/12/2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH- TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Dương Thị Mận.

Các hội thẩm nhân dân : 1.Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lương Thị Tâm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh tỉnh Bình Thuận; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 193/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018, Về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2018/QĐST-DS ngày 7 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

***/ Nguyên đơn:**

- Chị Trần Ngọc P, sinh năm 1985; Trú tại: KP. T – thị trấn L – huyện TL – tỉnh B. Có mặt.

***/ Bị đơn:**

- Chị Phạm Thị Yến N, sinh năm 1985; Trú tại: KP. L – thị trấn – huyện TL – tỉnh B. Vắng mặt.

Chị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Bùi Văn L, sinh năm 1980; Trú tại: KP. L – thị trấn L– huyện TL– tỉnh B.

Anh L đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn chị Trần Ngọc P yêu cầu*:

Chị Trần Ngọc P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh giải quyết buộc chị Phạm Thị Yến N phải trả cho chị P số tiền nợ vay là 25.000.000đồng. Căn cứ

khởi kiện cụ thể là: Vào ngày 02/3/2015 âm lịch chị Phạm Thị Yến Ncó vay của chị Trần Ngọc P số tiền 100.000.000đồng. Tại thời điểm đó hai bên có viết giấy tờ tay với nhau thể hiện số tiền vay chứ không thể hiện về thời hạn vay và mức lãi suất. Tuy nhiên chị P và chị N có thỏa thuận với nhau hàng tháng chị N sẽ trả lãi cho chị P theo mức lãi suất 3% trên số tiền vay; về thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể nhưng chị N có hứa lúc nào chị Pcần thì chị N sẽ trả đủ. Sau đó chị P cần tiền và yêu cầu chị N trả nợ thì chị N đã trả dần cho chị P được bốn lần cụ thể là lần thứ nhất 40.000.000đồng; lần thứ hai 10.000.000đồng; lần thứ ba 5.000.000đồng và lần thứ tư là 20.000.000đồng. Mỗi lần chị N trả nợ thì chị Phối đều đưa giấy nợ cho chị N tự ghi vào giấy. Lần cuối cùng chị N trả nợ cho chị Phối là ngày 21/9/2017 chị N có ghi rõ nội dung ***"N trả nợ cho P thêm 20.000.000đồng. Tổng cộng N trả cho P hết tất cả là 75.000.000. Bảy mươi lăm triệu"***. Như vậy hiện nay chị N còn nợ lại chị P 25.000.000đồng tiền gốc.

Về tiền lãi, mặc dù theo thỏa thuận tại thời điểm vay thì chị N đã đồng ý trả lãi cho chị P theo mức lãi suất 3%/ tháng nhưng chị N chỉ trả lãi được bốn đến năm tháng đầu sau đó thì không trả lãi nữa. Tuy nhiên hiện nay chị P không yêu cầu chị N phải trả lãi đối với số tiền nợ còn lại.

Về nghĩa vụ trả nợ vay: Mặc dù tại thời điểm viết giấy vay tiền, thì có thể hiện vợ chồng chị N, anh L vay tiền; khi chị P đến nhà yêu cầu trả nợ thì anh L có hứa sẽ thu xếp trả nợ cho chị N nhưng hiện nay anh L không thừa nhận khoản nợ này. Vì thế chị P chỉ yêu cầu chị N trả số nợ trên.

Bị đơn – chị Phạm Thị Yến N trình bày:

Chị N thừa nhận ngày 2/3/2015 âm lịch thì chị N có vay của chị Trần Ngọc P số tiền 100.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không ghi rõ về lãi suất và thời hạn trả tiền; tuy nhiên hai bên có thỏa thuận hàng tháng chị N trả lãi cho chị P theo lãi suất 3%. Sau khi vay thì đến khoảng năm 2016 (chị N không nhớ cụ thể ngày tháng nhưng chỉ nhớ là thời điểm chị P chuẩn bị sinh người con thứ 2) thì chị N có trả cho chị P được 20.000.000đồng. Khi trả số tiền này thì chị N không ghi vào giấy vay. Sau đó chị N vẫn trả lãi đều đặn cho chị P. Riêng về tiền gốc thì chị N tiếp tục trả dần cho chị P được thêm 75.000.000đồng. Như vậy hiện nay chị N còn nợ lại chị P 5.000.000đồng tiền gốc. Tuy nhiên hiện nay chị P yêu cầu chị N trả 25.000.000đồng tiền gốc thì chị N cũng chấp nhận vì do bản thân sơ suất khi trả nợ cho chị P 20.000.000đồng tiền gốc đã không ghi vào giấy tờ.

Số tiền 100.000.000đồng mà chị N vay của chị P là do cá nhân chị N tự đứng ra vay dùm cho người khác chứ không sử dụng trong gia đình. Chữ ký người vay Bùi Văn L là do chị N tự ký thay chồng. Vì vậy hiện nay chị N sẽ tự chịu trách nhiệm trả nợ cho chị P, không yêu cầu anh L phải cùng có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Bùi Văn L trình bày:

Anh Bùi Văn L là chồng của chị Phạm Thị Yến N. Thời gian trước đây khi chị N vay tiền của chị Trần Ngọc P thì anh Lễ không được biết; số tiền vay đó chị N cũng không sử dụng trong gia đình. Vì vậy, hiện nay anh L không có trách nhiệm cùng chị N trả nợ cho chị P.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của BLTTDS.

- *Quan điểm giải quyết vụ án:*

Đề nghị áp dụng khản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 146, 147, 203, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết 326/2016UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc P.

Buộc chị Phạm Thị Yến N phải trả cho chị Trần Ngọc P số tiền 25.000.000đồng.

Về án phí: Chị Phạm Thị Yến N phải nộp 1.250.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước; Trả lại cho chị Trần Ngọc P số tiền 1.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đều công nhận vào ngày 2/3/2015 âm lịch giữa chị Trần Ngọc P và chị Phạm Thị Yến N có xác lập với nhau một hợp đồng vay tài sản. Cụ thể chị Trần Ngọc P cho chị Phạm Thị Yến N vay số tiền 100.000.000đồng, hợp đồng được thể hiện bằng giấy viết tay nhưng không thể hiện rõ về thời hạn và lãi suất. Tuy nhiên cho đến nay sau nhiều lần chị P yêu cầu chị N trả nợ nhưng chị N vẫn chưa thanh toán đủ số tiền nợ vay theo hợp đồng nên chị P đã khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị N phải trả nợ vay. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Chị Trần Ngọc P:

- Về số tiền nợ vay phải trả: Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Trần Ngọc P vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc bị đơn Phạm Thị Yến N phải trả số tiền nợ vay là 25.000.000đồng. Căn cứ khởi kiện là 01 *"Giấy vay tiền*" đề ngày 2/3/2015 âm lịch; trong đó thể hiện số tiền vay 100.000.000đồng và số tiền từng lần chị N trả nợ. Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận về số tiền vay và có thỏa thuận với nhau hàng

tháng chị N sẽ trả lãi cho chị P theo mức lãi suất 3%; về thời hạn vay không thỏa thuận cụ thể nhưng chị N có hứa lúc nào chị P cần thì chị N sẽ trả đủ. Đồng thời chị P và chị N cũng thống nhất với nhau về từng lần mà chị N đã trả nợ cho chị P được thể hiện trong giấy vay tiền, cụ thể: lần thứ nhất 40.000.000đồng; lần thứ hai 10.000.000đồng; lần thứ ba 5.000.000đồng và lần thứ tư là 20.000.000đồng. Lần cuối cùng chị N trả nợ cho chị P là ngày 21/9/2017 chị N có ghi rõ nội dung ***"N trả nợ cho P thêm 20.000.000đồng. Tổng cộng N trả cho P hết tất cả là 75.000.000. Bảy mươi lăm triệu"***. Ngoài ra chị N còn trình bày về quá trình trả nợ vay, thì ngoài bốn lần trả được tổng cộng 75.000.000đồng thì chị N còn trả cho chị P được thêm 20.000.000đồng tiền nợ gốc nhưng không được thể hiện trong giấy tờ. Vì vậy hiện nay chị N chỉ còn nợ chị P 5.000.000đồng.

Xét thấy: việc bị đơn chị Phạm Thị Yến N trình bày ngoài bốn lần trả nợ cho chị P được tổng cộng 75.000.000đồng thì trước đó chị N đã trả cho chị P 20.000.000đồng tiền nợ gốc nữa. Tuy nhiên chị N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh về việc đã trả thêm cho chị P được 20.000.000đồng; hơn nữa trong giấy vay tiền chính chị N cũng đã ghi nội dung "***"N trả nợ cho Phối thêm 20.000.000đồng. Tổng cộng N trả cho P hết tất cả là 75.000.000. Bảy mươi lăm triệu"***. Vì vậy HĐXX xác định số tiền chị N đã trả cho chị P là 75.000.000đồng tiền nợ gốc. Như vậy, hiện nay chị N còn nợ lại chị P 25.000.000đồng tiền nợ gốc. Cần buộc chị Phạm Thị Yến N phải trả cho chị Trần Ngọc P số tiền nợ gốc 25.000.000đồng là phù hợp với quy định tại điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Về số tiền lãi trên số nợ gốc: Chị Trần Ngọc P trình bày mặc dù khi vay thì chị P và chị N có thỏa thuận với nhau hàng tháng chị N phải trả lãi cho chị P theo mức lãi suất 3%/tháng tuy nhiên chị N chỉ trả cho chị P được bốn đến năm tháng đầu sau đó không trả lãi nữa. Hiện nay chị P cũng không yêu cầu chị N phải trả lãi trên nợ vay nên Hội đồng xét xử không xét đến.

Chị Phạm Thị Yến N có trình bày hàng tháng chị N vẫn trả lãi đầy đủ cho chị P nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh về việc mình đã trả lãi hàng tháng theo mức lãi suất 3%/tháng nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét lại về tiền lãi.

Về nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện chị Trần Ngọc P yêu cầu vợ chồng chị Phạm Thị Yến N và anh Bùi Văn L phải có trách nhiệm trả nợ vay cho chị P. Tuy nhiên sau đó chị P đã thay đổi yêu cầu khởi kiện của mình và chỉ yêu cầu chị Phạm Thị Yến N phải trả nợ vay cho chị P. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Văn L cũng xác nhận tham gia xác lập hợp đồng vay tiền với chị Trần Ngọc P và cũng không sử dụng tiền vay vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy anh L không chịu trách nhiệm trả nợ vay cùng với chị N. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc chị Phạm Thị Yến N phải trả nợ vay cho chị Trần Ngọc P.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc P được chấp nhận nên cần buộc chị Phạm Thị Yến N phải chịu án phí DS/ST; trả lại cho chị Trần Ngọc P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147 và 203, 227 và 228 Bộ luật TTDS 2015;

- Điều 471, 474 BLDS 2005;

- Khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Ngọc P:

Buộc chị Phạm Thị Yến N phải trả cho chị Trần Ngọc P số tiền nợ vay là 25.000.000đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

- Buộc chị Phạm Thị Yến N phải nộp 1.250.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

- Trả lại cho chị Trần Ngọc P 1.000.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N 0012854 ngày 18/9/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/12/2018); bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự……;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

Dương Thị Mận